

MỞ ĐẦU

Trường Phổ thông Tuyên Quang (TSE) được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định số 39/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trực thuộc Trường Đại học Tân Trào (ĐHTT) và chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Tuyên Quang.

TSE là trường phổ thông công lập, hoàn toàn tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư, có chức năng, nhiệm vụ giáo dục phổ thông cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2001/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 và Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để định hướng phát triển Nhà trường trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu đào tạo và giáo dục học sinh phổ thông phù hợp với yêu cầu của tình hình mới và đáp ứng sự phát triển của nhà trường, TSE xây dựng Chiến lược và Kế hoạch phát triển Nhà trường đến năm 2025, định hướng đến 2030. Sau khi xây dựng xong Dự thảo, nhà trường đã tổ chức lấy kiến các nhà giáo, nhà khoa học của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường ĐHTT, ý kiến của các nhà quản lý để hoàn chỉnh chiến lược phát triển nhà trường.

SỨ MẠNG VÀ TẦM NHÌN

Sứ mạng

TSE là cơ sở giáo dục chất lượng cao và toàn diện cho học sinh phổ thông của tỉnh Tuyên Quang và khu vực.

Tầm nhìn

Đến 2030, TSE sẽ trở thành một trường phổ thông hàng đầu trong khu vực và hội nhập quốc tế.

Phương châm

Chất lượng giáo dục là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển.

Chính sách chất lượng

Chúng tôi, TSE cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ giáo dục có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của người học.

Triết lý giáo dục

Học để làm chủ cuộc sống

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG PHỔ THÔNG TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2025 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Trong những năm qua, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã được tỉnh Tuyên Quang luôn xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần phải có sự đột phá, đầu tư tập trung, toàn diện và hiệu quả theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Vì vậy, hệ thống giáo dục và đào tạo của tỉnh Tuyên Quang đã có đầy đủ từ hệ mầm non đến đại học, hệ thống giáo dục thường xuyên đã được mở rộng, cơ sở vật chất các trường học được nâng cấp, trang thiết bị dạy học ngày càng hiện đại, công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên thường xuyên được quan tâm. Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đã không ngừng phát triển và đạt nhiều thành tựu quan trọng, chất lượng giáo dục chuyển biến theo hướng tích cực và từng bước được nâng cao. Công tác xã hội hóa giáo dục cũng được quan tâm và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ, học sinh trong độ tuổi đến trường, phổ cập giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển loại hình trường, lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Về cơ bản, học sinh (HS) phổ thông được đảm bảo về CSVC, điều kiện tối thiểu để học tập, các nội dung học tập văn hóa, tuy nhiên các hoạt động hỗ trợ như kỹ năng sống, giáo dục giới tính, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong đời sống còn hạn chế, việc tổ chức học tập bán trú chưa được mở rộng, do khó có khả năng đầu tư CSVC, đội ngũ cán bộ giáo viên (CBGV), người nuôi dưỡng, trong khi đó nhu cầu học bán trú của học sinh tiểu học nói riêng và các cấp học khác nói chung là rất cao. Một số trường tại khu vực thành phố Tuyên Quang có biểu hiện quá tải, số HS/lớp vượt quá quy định của Bộ GD&ĐT nhất là ở các lớp đầu cấp thuộc khu vực thành phố, thị trấn có điều kiện tốt.

Chiến lược này được xây dựng dựa trên cơ sở tình hình thực tế của Nhà trường. Nội dung của chiến lược xuất phát từ việc xác định hướng phát triển từng lĩnh vực hoạt động của nhà trường, trên cơ sở đó đưa ra mục tiêu, kế hoạch và giải pháp để thực hiện chiến lược giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030, phù hợp với những thay đổi của Nhà trường, của sự nghiệp giáo dục - đào tạo, của xã hội trong xu hướng phát triển của Trường ĐHTT, đóng góp vào sự phát triển của ngành giáo dục và đào tạo (GDĐT) tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước.

Những cơ sở pháp lý xây dựng đề án

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Điều lệ Trường THCS, THPT và Trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011;

- Điều lệ Trường tiểu học, ban hành theo Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014;

- Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, được ban hành theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

- Kết luận số 51-KL/TU ngày 17/8/2016 của BCH ĐB tỉnh Tuyên Quang (khóa XVI) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13/5/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến 2020;

- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/9/2008 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

- Căn cứ Quyết định số 39 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Trường Phổ thông Tuyên Quang, trực thuộc Trường Đại học Tân Trào.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG PHỔ THÔNG TUYÊN QUANG VÀ PHÂN TÍCH SWOT

I. THỰC TRẠNG

1.1. Thực trạng về công tác đào tạo

1.1.1. Số lớp học và học sinh

- Số lớp học: 20 lớp, cụ thể Tiểu học (TH) 7 lớp; Trung học cơ sở (THCS) 8 lớp; Trung học phổ thông (THPT) 5 lớp.

- Số học sinh: Tổng số 464 HS, trong đó TH 150 HS; THCS 212 HS; THPT 102 HS.

1.1.2. Chương trình giáo dục

Chương trình giáo dục của TSE bao gồm song song 2 chương trình, chương trình cứng và chương trình mềm:

* *Chương trình cứng*: Thực hiện theo Chương trình GDPT do Bộ GDĐT ban hành.

* *Chương trình mềm*: Là các chương trình bổ trợ nâng cao kiến thức môn học, hỗ trợ học sinh giỏi, học sinh yếu kém, tăng cường khả năng ngoại ngữ, kỹ

năng mềm, chú ý phát triển năng khiếu cá nhân, thiết kế các hoạt động trải nghiệm,... Thực hiện liên kết với các đối tác quốc tế ở nước ngoài hoặc các cơ sở giáo dục quốc tế tại Việt Nam cũng như mời tư vấn của các chuyên gia trong lĩnh vực GDĐT để giúp nhà trường phát triển đúng định hướng của Chương trình mềm.

1.1.3. Thời gian học: TSE học 2 buổi/ngày, 9 tháng thực học/năm.

1.1.4. Tuyển sinh

- Thời điểm tuyển sinh: TSE tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch của UBND tỉnh và Sở GD&ĐT Tuyên Quang. Thực hiện lộ trình tuyển sinh riêng theo cơ chế tự chủ.

- Đối tượng tuyển: Tất cả các học sinh có nhu cầu học tập tại TSE từ Tiểu học, THCS đến THPT.

- Phạm vi tuyển sinh: TSE tuyển sinh trong toàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo nhu cầu thực tế của xã hội và năng lực đào tạo, cơ sở vật chất của nhà trường.

1.2. Thực trạng về tổ chức bộ máy và người làm việc

1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy

Bộ máy của TSE hiện tại (2020) gồm Hội đồng trường và 3 khối chức năng chuyên môn:

- Hội đồng trường: gồm 9 thành viên, 01 chủ tịch, 01 thư ký.

- Khối quản lý có Ban giám hiệu: 01 HT (kiêm nhiệm), 02 PHT (01 kiêm nhiệm, 01 người HDLD);

- Khối giảng dạy có các tổ bộ môn, bao gồm:

(1) Tổ Khoa học Tự nhiên;

(2) Tổ Khoa học Xã hội;

(3) Tổ Ngoại ngữ;

(4) Tổ nghệ thuật và Hoạt động ngoài giờ lên lớp;

(5) Tổ Tư vấn tâm lý học đường.

(6) Tổ Văn phòng

- Khối Các tổ chức Chính trị-Xã hội gồm:

- (1) Chi bộ Đảng: Trục thuộc Đảng bộ Trường ĐHTT;
- (2) Công đoàn trường: Trục thuộc Công đoàn Trường ĐHTT;
- (3) Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: thuộc Đoàn Trường ĐHTT;
- (4) Đội TNTP Hồ Chí Minh: thuộc Đoàn Trường ĐHTT;

1.2.2. *Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên*

- Biên chế: Không có;
- Số lượng người làm việc hiện tại (giảng dạy chính khóa, nâng cao, kỹ năng, chủ nhiệm, trợ giảng, nhân viên): 71 người. Trong đó:
 - Số người trực tiếp giảng dạy theo trình độ: Phó giáo sư, Tiến sĩ: 9; Thạc sĩ: 25; Đại học: 37;

1.3. *Thực trạng về cơ sở vật chất*

- Diện tích đất: Sử dụng chung gần 60 ha cùng với ĐHTT;
- Số phòng học: 20 phòng, (TSE chi trả việc sử dụng điện nước, vệ sinh, các hoạt động dịch vụ các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần); Có đầy đủ phòng làm việc của BGH, các bộ môn, đoàn thể, phòng họp, phòng chờ của giáo viên.
- Thiết bị khác: Bàn ghế lớp học 15 bộ/lớp (30 học sinh); hệ thống đèn chiếu sáng, quạt trần, TV, máy chiếu projector,
- Thư viện: Dùng chung thư viện của ĐHTT, có trên 8.000 đầu sách, tài liệu. Có phòng đọc sách với 01 phòng đọc mở, 02 phòng mượn với diện tích tổng cộng trên 800m² với trên 400 chỗ đọc sách và phòng tra cứu Internet.
- Phòng học máy tính, phòng học ngoại ngữ 749m². 11 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành 10.429m²;
- Khu ký túc xá: Ký túc xá 155 phòng diện tích xây dựng 7.606m², 800 chỗ ở khép kín, dùng chung KTX sinh viên ĐHTT, TSE chi trả hỗ trợ công tác quản lý, vệ sinh và cơ sở vật chất cho Ký túc xá;
- Nhà ăn: diện tích trên 1000m², trang thiết bị hiện đại, hoạt động 1 chiều đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Phương tiện đưa đón học sinh: 4 xe ô tô 29-35 chỗ.

- Khu vực hoạt động TĐTT: dùng chung cơ sở vật chất của ĐHTT gồm nhà thi đấu đa năng 3.529m², sân vận động, bể bơi, các sân tập bóng chuyền, bóng rổ, ..., tổng diện tích rộng trên 12.000m²;

- Khu tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Diện tích 10ha, đủ các mô hình, loại hình trải nghiệm.

1.4. Thực trạng về công tác tài chính

Trường Phổ thông Tuyên Quang là một cơ sở giáo dục công lập, hoàn toàn tự chủ, nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động của Trường bao gồm:

1.4.1. Nguồn tài chính được giao tự chủ

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ;
- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

1.4.2. Nguồn tài chính không giao tự chủ

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có) gồm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ; Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp trên giao (nếu có).

- Nguồn viện trợ, tài trợ, nguồn khác theo quy định của pháp luật.

1.4.3. Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị

- *Chi thường xuyên*
 - + Chi tiền lương: Chi trả tiền lương theo mức lương tối thiểu vùng và được quy định trong thang Bảng lương nội bộ của TSE.
 - + Chi cho các hoạt động chuyên môn, quản lý, hỗ trợ, kiêm nhiệm, ...;
 - + Chi bổ sung mua sắm trang thiết bị, cải tạo, sửa chữa xây dựng cơ sở vật chất, nhà lớp học, thuê mướn...
- *Chi nhiệm vụ không thường xuyên*: Thực hiện theo Luật ngân sách.

II. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG (SWOT)

2.1. Điểm mạnh

1. Là một trường phổ thông được thành lập để giáo dục chất lượng cao và toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang chưa có mô hình tương tự.

2. Đội ngũ giảng viên, giáo viên hiện có trình độ 100% đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập.

3. Trường Phổ thông Tuyên Quang trực thuộc Trường ĐHTT đã có gần 60 năm kinh nghiệm đào tạo nhân lực cho sự phát triển KT-XH của tỉnh Tuyên Quang, khu vực Tây Bắc cũng như cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo giáo viên nên có nhiều ưu thế trong việc lựa chọn đội ngũ giáo viên giỏi cho TSE.

4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu nghiên cứu ứng dụng KH-CN trong lĩnh vực giáo dục và các ngành khác. Cơ sở vật chất phục vụ sinh viên nội trú, hoạt động thể thao, văn hóa đáp ứng tốt nhu cầu của người học và xã hội.

5. TSE là môi trường luôn luôn tự đổi mới. Tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, nhân viên đoàn kết.

2.2. Điểm yếu

1. Là một trường phổ thông mới thành lập, chưa tạo được thương hiệu, địa bàn TSE xa khu trung tâm nên việc di chuyển, đưa đón học sinh khó khăn.

2. TSE là một mô hình mới, chưa có tiền lệ tại Tuyên Quang, không có biên chế, tự chủ hoàn toàn về tài chính.

3. Mặt bằng kinh tế-xã hội của tỉnh Tuyên Quang nhìn chung còn thấp, đời sống và thu nhập của người dân chưa cao, vì vậy học phí thu thấp so với chất lượng của các hoạt động dạy, học và các hoạt động khác.

4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thiết bị thí nghiệm, thực hành TSE chưa thực sự chủ động, chưa có khu vực hoạt động riêng, vẫn còn sử dụng chung nhiều hạng mục với ĐHTT.

2.3. Cơ hội

1. Luật giáo dục đã được sửa đổi, từng bước giao quyền tự chủ rộng hơn cho trường phổ thông đặc biệt là các trường tự chủ.

2. Sự quan tâm, hỗ trợ của tỉnh Tuyên Quang, Trường ĐHTT, Sở GDĐT và các cơ quan hữu quan ở địa phương đối với nhà trường.

3. Kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực đang trên đà tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của Tuyên Quang để phấn đấu trở thành một tỉnh khá trong khu vực miền núi phía Bắc đến hết năm 2020.

4. Nhu cầu của người học (và cha mẹ người học) luôn có mong muốn được giáo dục theo các chương trình chất lượng cao, giáo dục con người toàn diện, chú trọng các kỹ năng.

5. Dự luận xã hội bước đầu nhìn nhận và đánh giá cao mô hình hoạt động của nhà trường và đã có sự tin tưởng nhất định vào kế hoạch tổ chức các hoạt động của TSE đã cam kết theo từng lộ trình.

2.4. Thách thức

1. Xu hướng phát triển giáo dục phải đáp ứng đòi hỏi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Cạnh tranh giữa các trường phổ thông chất lượng cao đang chuyển dần sang cơ chế tự chủ.

3. Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong khi chi phí dành cho giáo dục lại muốn ở mức thấp.

5. Thu nhập của người dân trong tỉnh nhìn chung còn chưa cao so với các tỉnh có điều kiện.

6. Trường Phổ thông Tuyên Quang nằm ở xa trung tâm thành phố so với một số trường phổ thông có điều kiện khác.

Phần thứ hai

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

I. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

1.1. Mục tiêu chiến lược

Nâng cao chất lượng đầu vào, đảm bảo chất lượng nội dung và chương trình giáo dục ở mức độ cao, mở rộng quy mô hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu học tập chất lượng cao và đa dạng của xã hội, khu vực.

1.2. Các giải pháp, chỉ số và kế hoạch thực hiện

Các giải pháp

(1) Tuyển sinh bằng các phương thức thi tuyển và xét tuyển trên cơ sở các bài thi năng lực riêng;

(2) Phát triển chất lượng chương trình giáo dục trên cơ sở Chương trình giáo dục cơ bản (Chương trình cứng) và Chương trình bổ trợ kiến thức văn hóa, năng khiếu, kỹ năng (Chương trình mềm).

(3) Khuyến khích việc đổi mới phương pháp dạy học theo thế mạnh của từng giáo viên. Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực thông qua các hoạt động nhóm, dự án, đảm bảo đánh giá thực chất năng lực của học sinh.

(4) Chủ động tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia các cuộc thi, gặp gỡ về học thuật, năng khiếu và các hoạt động xã hội phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

(5) Triển khai công tác tự đánh giá và tham gia đăng ký kiểm định chất lượng trường phổ thông.

Các chỉ số và kế hoạch thực hiện:

- *Giai đoạn 2020-2025:*

+ Tăng cường và đa dạng hóa các công tác tuyển sinh bằng các giải pháp: Xây dựng và đưa ra các tiêu chí để xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào. Phần đầu tuyển sinh đạt 100% chỉ tiêu đặt ra và học sinh có chất lượng đầu vào tốt.

+ Sắp xếp lại đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm bảo chất lượng, chấm dứt hợp đồng với những giáo viên không đảm bảo chất lượng, không đủ năng lực và trách nhiệm, bổ sung giáo viên phù hợp với công tác giáo dục.

+ Định kỳ rà soát, điều chỉnh giáo dục; Đảm bảo các Chương trình được thiết kế liên thông, liên môn.

+ Tham gia các cuộc thi, phần đấu từng bước có nhiều giải cao trong các cuộc thi học sinh giỏi, các cuộc thi về năng khiếu và các hoạt động xã hội khác.

+ Chuẩn bị mọi điều kiện, rà soát các tiêu chí để đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) theo chuẩn quốc gia và phần đấu đạt chuẩn chất lượng. Phần đấu đạt chuẩn KĐCL cơ sở giáo dục theo lộ trình sau:

Năm học 2021-2022: đạt chuẩn KĐCLGD mức I;

Năm học 2024-2025: đạt chuẩn KĐCLGD mức II.

- *Giai đoạn 2025-2030*: Tuyển sinh đảm bảo đầu vào học sinh có chất lượng cao. Triển khai giảng dạy bằng ngoại ngữ các môn học chính. Chuẩn bị mọi điều kiện, rà soát các tiêu chí để đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức III (năm học 2027-2028) và mức IV (năm 2029-2030).

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

2.1. Mục tiêu chiến lược

Là đơn vị nghiên cứu hàng đầu của các trường phổ thông địa phương về khoa học giáo dục và các nghiên cứu cơ bản khác.

2.2. Các giải pháp, chỉ số và kế hoạch thực hiện

Các giải pháp

(1) Phát triển và triển khai mở rộng các nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu sư phạm ứng dụng.

(2) Xây dựng các đề xuất đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp đại học và các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khác.

Các chỉ số và kế hoạch thực hiện:

- *Giai đoạn 2020-2025*:

+ Có ít nhất 3-5 bài báo khoa học/năm công bố trên các Tạp chí khoa học.

+ Có ít nhất 2-3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc sáng kiến kinh nghiệm cấp đại học/năm.

- *Giai đoạn 2025-2030:*

+ Phân đầu 50% cán bộ giáo viên có sản phẩm khoa học được công bố và ứng dụng được vào thực tiễn giảng dạy và học tập.

III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỢP TÁC QUỐC TẾ

3.1. Mục tiêu chiến lược

Thực hiện có hiệu quả hoạt động Hợp tác quốc tế trong giáo dục, phương pháp sư phạm, giao lưu văn hóa - kiến thức các môn học. Thông qua hoạt động HTQT để nâng cao chất lượng, trình độ của đội ngũ giáo viên và học sinh.

3.2. Các giải pháp, chỉ số và kế hoạch thực hiện

Các giải pháp

(1) Cải tiến chất lượng các chương trình giảng dạy phù hợp với chuẩn quốc tế và khu vực.

(2) Tăng cường việc triển khai chương trình tiên tiến và tiếp cận dần các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

(3) Sử dụng giáo viên quốc tế trong giảng dạy, xúc tiến xây dựng mối quan hệ hợp tác với các nước trong và ngoài khu vực về giáo dục, nghiên cứu khoa học sư phạm. Triển khai cho học sinh tham gia các hoạt động quốc tế.

(4) Sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy và học tập ở một số môn học trong nhà trường, sử dụng một số chương trình đào tạo, giáo trình tiên tiến, hiện đại đang được giảng dạy tại các trường nước ngoài phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường.

(5) Bổ sung, tăng cường tài nguyên học tập: sách, tài liệu điện tử cho thư viện, đồng thời khuyến khích sử dụng sách giáo khoa của thế giới.

Các chỉ số và kế hoạch thực hiện:

- *Giai đoạn 2020-2025:*

+ Mời GV nước ngoài đến trao đổi kinh nghiệm, giảng dạy chuyên môn, hội nghị, hội thảo. Hàng năm triển khai từ 1-2 chương trình thực tập, học tập,

giao lưu văn hóa ở nước ngoài cho học sinh của TSE và SV nước ngoài đến nhà trường.

+ Giảng dạy các môn Toán, Ngữ văn và một số môn khác bằng tiếng Anh tại một số giờ. Bổ sung tài nguyên học tập bằng tiếng nước ngoài cho thư viện.

- *Giai đoạn 2025-2030:*

+ Triển khai một số chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

+ Mời GV nước ngoài đến giảng dạy một số môn. Triển khai cho học sinh đăng ký học tập tại nước ngoài.

+ Giảng dạy một số bộ môn bằng tiếng Anh.

IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

4.1. Mục tiêu

- Xây dựng bộ máy quản lý hợp lý, đảm bảo tinh gọn, đủ năng lực quản trị, quản lý mọi mặt hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn mới.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên, người làm việc có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý.

4.2. Tổ chức bộ máy giai đoạn 2021 - 2025

Năm 2021:

a) *Hội đồng trường: Như năm 2020.*

b) *Lãnh đạo TSE: như năm 2020;*

c) *Tổ chuyên môn: bổ sung thêm 01 tổ Bộ môn so với 2020 thành 8 tổ:*

(1) *Tổ Toán (tách GV toán từ tổ KHTN);*

(2) *Tổ Văn (tách GV Văn từ Tổ Khoa học Xã hội);*

d) *Các tổ chức Chính trị-Xã hội: Như năm 2020;*

Từ năm 2022 đến 2025, phương án tổ chức, bộ máy sẽ xem xét giữ nguyên hoặc thay đổi tùy theo sự phát triển thực tế của nhà trường.

4.3. Người làm việc

Năm 2021:

- *Biên chế: Không có;*

- *Hội đồng trường: như năm 2020;*

- Số lượng người làm việc tối đa (giảng dạy chính khóa, nâng cao, kỹ năng, chủ nhiệm, trợ giảng, nhân viên): 74-80 người.

Trong quá trình thực hiện Chiến lược, nếu TSE có kế hoạch thay đổi số lượng lớp học, hoặc có sự điều chỉnh khác về số học sinh nội trú, địa điểm thì Nhà trường xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

4.4. Giải pháp phát triển đội ngũ

- Tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp loại giỏi của trường và một số trường trọng điểm quốc gia làm giáo viên của TSE thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển;

- Ký kết hợp đồng giảng dạy, NCKH, hợp tác với các nhà khoa học trong nước và quốc tế và GS, PGS, TS đã nghỉ hưu để giảng dạy cho học sinh TSE.

- Tập trung bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi theo hướng ít nhất mỗi bộ môn có 1 giáo viên giỏi cấp tỉnh trở lên.

- Có chiến lược nâng cao thu nhập và mức sống của người làm việc tại TSE theo từng năm, từng giai đoạn.

V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI CHÍNH

5.1. Mục tiêu

Chuẩn bị nguồn tài chính. Xây dựng khu trường học riêng đáp ứng nhu cầu phát triển. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

5.2. Giải pháp

(1) Vay vốn đầu tư xây dựng Khu nhà lớp học trên cơ sở đất của Trường Đại học Tân Trào được cấp, đảm bảo đủ số phòng học cho các cấp học. Mua sắm trang thiết bị dạy học và quản lý.

(2) Quản lý sử dụng hiệu quả tài sản, tiết kiệm chi tiêu, tránh lãng phí để phát triển cơ sở vật chất.

(3) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính.

KẾT LUẬN

TSE là trường phổ thông công lập, hoàn toàn tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư, có chức năng, nhiệm vụ giáo dục phổ thông cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Để định hướng phát triển Nhà trường trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu đào tạo và giáo dục học sinh phổ thông phù hợp với yêu cầu của tình hình mới và đáp ứng sự phát triển của nhà trường, TSE đã phân tích thực trạng, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu, xem xét các cơ hội và thách thức để xây dựng Chiến lược và phát triển Nhà trường đến năm 2025, định hướng đến 2030. Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế từng giai đoạn mà nhà trường có thể điều chỉnh sao cho phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn đã công bố.

-----*****-----